TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/02/2023
v/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Minh
2. Ông Nguyễn Thanh S

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sáu - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 440/2022/TLST – DS ngày 20 tháng 7 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị K Thị T, sinh năm 1998

Bị đơn: Anh K Văn S, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: Xóm 1, thôn 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị K Thị T trình bày: Chị và anh K Văn S tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn ngày 04/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đông Giang. Quá trình chung sống, chị và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh S đánh đập, chửi mắng, xúc phạm chị. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh K Văn S.

Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là cháu K Văn T1, sinh ngày 12/6/2015. Hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh K Văn S: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh S đều vắng mặt không có lý do. Không có văn bản thể hiện ý kiến của anh S về yêu cầu khởi kiện của chị T. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị K Thị T vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh K Văn S vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện hàm Thuận Bắc phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn chị K Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung với bị đơn anh K Văn S. Bị đơn có địa chỉ và sinh sống ở thôn 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn chị K Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh K Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K Thị T và anh K Văn S tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 04/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đông Giang, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của hai đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo chị T, trong thời gian chung sống, chị và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh S đánh đập, chửi mắng, xúc phạm chị. Từ hơn một năm nay, chị T và anh S không còn chung sống với nhau nữa, cả hai cũng không liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ

án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau nhưng anh S vắng mặt chứng tỏ anh S không có thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị T.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, chung T, quan tâm, chăm sóc nhau. Nhưng giữa chị T và anh S không thực hiện được nghĩa vụ vợ chồng với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị T ly hôn với anh S là phù hợp với thực tế và đúng qui định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh S có 01 con chung là cháu K Văn T1, sinh ngày 12/6/2015, hiện đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T là hợp lý, để con có cuộc sống ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Anh S không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

– Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 143, Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

– Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

– Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K Thị T:

Về hôn nhân: Chị K Thị T được ly hôn với anh K Văn S.

Về con chung: Giao con chung tên K Văn T1, sinh ngày 12/6/2015 cho chị K Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh K Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí:

Chị K Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0010972 ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Chị K Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị K Thị T và anh K Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thu Thúy